

Số: /QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Dự án Kè chống sạt lở bờ sông Ngàn Sâu đoạn qua
xã Tứ Mỹ, tỉnh Hà Tĩnh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15; Luật Xây dựng số 135/2025/QH15; Luật Khí tượng thủy văn số 90/2015/QH13; Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo các Luật số 11/2022/QH15, 16/2023/QH15, 18/2023/QH15, 47/2024/QH15, 54/2024/QH15 và 146/2025/QH15; Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi các Luật số 57/2024/QH15, 90/2025/QH15; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 90/2025/QH15;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 về việc Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 207/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 212/2026/NĐ-CP ngày 17/6/2026 quy định về điều kiện năng lực hoạt động xây dựng, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu Quốc gia về hoạt động xây dựng; số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; số 193/2026/NĐ-CP ngày 01/6/2026 quy định về quyết toán vốn đầu tư dự án; số 220/2026/NĐ-CP ngày 22/6/2026 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2023/NĐ-CP quy định về bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới, bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc, bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng; số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 Quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17/6/2025 của Quốc hội; số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính; số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà

nước của Bộ Xây dựng; số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 Quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 95/QĐ-TTg ngày 02/6/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc phân bổ nguồn ngân sách trung ương để thực hiện các nhiệm vụ, dự án khắc phục hậu quả, phòng, chống thiên tai và đảm bảo an ninh, quốc phòng;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng: số 34/2026/TT-BXD ngày 25/6/2026 quy định chi tiết về cấp công trình xây dựng phục vụ quản lý hoạt động xây dựng; số 36/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 hướng dẫn một số nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 37/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 hướng dẫn phương pháp xác định mức dự toán và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật; số 38/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 ban hành định mức xây dựng; số 39/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 hướng dẫn một số nội dung chi tiết trong Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng; số 41/2026/TT-BXD ngày 29/6/2026 quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 697/QĐ-UBND ngày 27/3/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh giao nhiệm vụ chủ đầu tư các dự án phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 1049/QĐ-UBND ngày 29/4/2026 của UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Kè chống sạt lở bờ sông Ngàn Sâu đoạn qua xã Tứ Mỹ, tỉnh Hà Tĩnh;

Căn cứ Quyết định số 63/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025 của UBND tỉnh quy định một số nội dung về công tác thẩm định và quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Văn bản số 6178/SNNMT-QLXD ngày 31/7/2026 và Văn bản số 6436/SNNMT-QLXD ngày 10/8/2026, kết quả thẩm định hạng mục giao thông của Sở Xây dựng tại Văn bản số 4536/SXD-HĐXD8 ngày 27/7/2026 (trên cơ sở đề nghị của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Giao thông và Phát triển đô thị tỉnh Hà Tĩnh tại Tờ trình số 142/TTr-BQLDA ngày 17/7/2026 và Văn bản số 1071/BGTĐT-QLDA2 ngày 10/8/2026).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Dự án Kè chống sạt lở bờ sông Ngàn Sâu đoạn qua xã Tứ Mỹ, tỉnh Hà Tĩnh với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên Dự án: Dự án Kè chống sạt lở bờ sông Ngàn Sâu đoạn qua xã Tứ Mỹ, tỉnh Hà Tĩnh.

2. Loại, nhóm dự án; loại và cấp công trình chính của dự án, thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế:

- Loại, nhóm dự án: Dự án đầu tư công; Nhóm C;
- Loại, cấp công trình chính của dự án: Công trình Nông nghiệp và Môi trường, cấp IV; công trình Giao thông, cấp IV.

- Thời hạn sử dụng công trình theo thiết kế: 25 năm.

3. Mã định danh: 4226517574700.

4. Địa điểm xây dựng dự án; vị trí xây dựng công trình trình thẩm định; diện tích sử dụng đất của dự án:

- Địa điểm xây dựng Dự án: xã Tứ Mỹ, tỉnh Hà Tĩnh;

- Vị trí xây dựng công trình: điểm đầu tại thôn 4, điểm cuối tại chân cầu Linh Cảm, xã Tứ Mỹ.

- Diện tích sử dụng đất của dự án: khoảng 6,88 ha.

5. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

6. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Giao thông và Phát triển đô thị tỉnh.

7. Nhà thầu tư vấn khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi: Công ty TNHH tư vấn và xây dựng Thịnh Tiến; mã số doanh nghiệp: 3001279984.

8. Mục tiêu dự án: Kịp thời khắc phục tình trạng sạt, lở bờ sông nhằm bảo vệ an toàn tính mạng và tài sản cho Nhân dân cũng như diện tích đất tự nhiên, hệ thống cơ sở hạ tầng quanh khu vực bờ sông Ngàn Sâu đoạn đi qua địa bàn xã Tứ Mỹ; chủ động phòng, chống bão, lũ, giảm nhẹ rủi ro thiên tai và tăng cường khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu; kết hợp chỉnh trang cơ sở hạ tầng, cải thiện cảnh quan môi trường, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững của địa phương.

9. Quy mô đầu tư: Đầu tư xây dựng tuyến Kè kết hợp đường giao thông với chiều dài 2,5km gồm 2 tuyến:

- Tuyến 1: Đoạn từ K0 đến K0+804 (dài 804m) và đoạn từ K1+640 đến K2+500 (dài 860m) cao trình đỉnh kè biến đổi từ (+7,70) ÷ (+4,72) theo mặt đất tự nhiên phù hợp với địa hình hiện trạng đoạn gia cố.

- Tuyến 2: Đoạn từ K0+00 đến K0+836 (dài 836m) cao trình đỉnh kè biến đổi (+5,00) ÷ (+2,00) theo mặt đất tự nhiên phù hợp với địa hình hiện trạng đoạn gia cố.

9.1. Các thông số kỹ thuật chủ yếu của công trình

- Đỉnh kè tuyến 1: Mặt đỉnh kè kết hợp đường giao thông có bề rộng $B_{\text{đỉnh}} = 6,5\text{m}$, khóa đỉnh kè bằng dầm bê tông cốt thép M250 đá (1x2)cm, kích thước dầm (30x40)cm, cứ 11,8m bố trí 01 khe lún 02 lớp giấy dầu tấm nhựa đường phía dưới có lót bạt xác rắn.

- Đỉnh kè tuyến 2: Mặt đỉnh kè kết hợp làm đường quản lý kè (mặt đỉnh kè có bề rộng $B = 1\text{m}$) khóa đỉnh kè bằng dầm bê tông cốt thép M250 đá (1x2)cm, kích thước dầm (30x40)cm, cứ 11,8m bố trí 01 khe lún 02 lớp giấy dầu tấm nhựa đường phía dưới có lót bạt xác rắn.

- Thân kè tuyến số 1:

+ Đoạn từ K0+000 đến K0+100 giữ nguyên hiện trạng theo mái taluy đường dân sinh đã có;

+ Đoạn từ K0+100m đến K0+195 (dài 95m) thân kè kết hợp giữa mái nghiêng và tường đứng; từ cao trình đỉnh kè đến cao trình (+4,0) kè mái nghiêng, hệ số mái $m = 1,50$, kết cấu mái kè bằng cấu kiện bê tông đúc sẵn kích thước (40x40x16)cm, dưới là lớp dăm lót đá (1x2)cm, dày 10cm và lớp vải địa kỹ thuật, trong hệ khung dầm bê tông cốt thép M250 đá (1x2)cm; từ cao trình (+4,0) đến chân kè (+0,00m) kè tường đứng hình thức tường trọng lực kết cấu bê tông cốt thép M250 đá (1x2)cm, có bố trí tầng lọc ngược dọc theo chiều dài tường và lỗ thoát nước, theo chiều dài cứ 11,80m bố trí khe lún ngăn cách 02 lớp giấy dầu nhựa đường;

+ Đoạn từ K0+195 đến K0+804 và K1+640 đến K2+500: Kè mái nghiêng, hệ số mái $m = 2,0$, kết cấu mái kè bằng cấu kiện bê tông đúc sẵn kích thước (40x40x16)cm, dưới là lớp dăm lót đá (1x2)cm, dày 10cm và lớp vải địa kỹ thuật, trong hệ khung dầm bê tông cốt thép M250 đá (1x2)cm, kích thước dầm chân (bxh) = (30x60)cm, dầm ngang giữa mái kè có kích thước (bxh) = (30x40)cm; đoạn từ K0+195 đến K0+804 và từ K1+640 đến K2+320 chiều cao kè > 5m bố trí cơ kè tại cao trình +3,00m, bề rộng cơ kè $B = 2m$, kết cấu cơ kè bê tông M250 đá (1x2)cm dày 20cm; đoạn từ K1+640 đến K2+320 tuyến kè đi qua nền địa chất yếu, dầm cơ kè và chân kè được gia cố hàng cọc BTCT M300 đá (1x2)cm kích thước (30x30)cm.

- Thân kè tuyến số 2: Kè mái nghiêng, hệ số mái $m = 2,0$, kết cấu mái kè bằng cấu kiện bê tông đúc sẵn kích thước (40x40x16)cm, dưới là lớp dăm lót đá (1x2)cm, dày 10cm và lớp vải địa kỹ thuật, trong hệ khung dầm bê tông cốt thép M250 đá (1x2)cm, kích thước dầm chân (bxh)=(30x60)cm, dầm ngang giữa mái kè có kích thước (bxh) = (30x40)cm;

Đất đắp thân kè hệ số đầm chặt $K > 0,95$; trong giai đoạn này thiết kế đang tạm lấy đất tại mỏ Sáng Gia, xã Đức Thịnh cự ly vận chuyển 14,8km.

- Chân kè: Cao trình chân kè (+0,0)m, dầm khóa chân kè kết cấu bằng bê tông cốt thép M250 đá (1x2)cm, kích thước (30x60)cm; phía ngoài dầm khóa chân kè được gia cố bằng rọ đá mạ kẽm bọc PVC; những đoạn xói sâu từ K0+195 đến K0+804, K1+640 đến K2+448 tuyến 1 và K0 đến K0+200 tuyến 2 gia cố hộ chân kè bằng đá hộc thả rời, phía trên là rọ đá mạ kẽm bọc PVC, mái là thảm đá mạ kẽm bọc PVC, chân kè đoạn tường chắn được hộ chân bằng lăng thể đá hộc kết hợp tăng cường bằng rọ đá mạ kẽm bọc PVC, kích thước rọ (2x1x0,5)m.

9.2. Công trình trên tuyến:

- Lan can an toàn: Lắp đặt hệ thống lan can dọc theo chiều dài tuyến kè và đường giao thông trên đỉnh kè.

- Bến dân sinh: Xây dựng 12 bến dân sinh trên tuyến tại K0+225, K0+391, K0+562, K0+759, K0+880, K1+190, K1+491, K1+799, K1+942, K2+108, K2+200, K2+397; kết cấu bằng bê tông cốt thép M250 đá (1x2)cm.

- Trạm bơm: Hoàn trả trạm bơm nằm trên tuyến kè tại vị trí K1+750 có kích thước BxHxL=(5x4,5x3,8)m với kết cấu móng, khung, dầm, giằng, sàn chịu lực làm bằng bê tông cốt thép M200 đá (1x2)cm loại 1; tường bên xây gạch

vữa xi măng M75. Trong nhà trạm bơm bố trí 02 máy bơm loại HL700-7, cao trình đặt máy bơm (+5,00)m, cao trình đáy bể hút (-2,0)m, cao trình đáy bể xả (+4,80)m; kênh nối tiếp trạm bơm có chiều dài 20m, hình thức kênh chữ nhật, kích thước kênh (0,8x1,0)m kết cấu bằng bê tông cốt thép M200 đá (1x2)cm

- Đường thi công kết hợp dân sinh: Hoàn trả các đoạn đường kết nối dân sinh phục vụ thi công, gồm 03 tuyến có chiều dài 540m, bề rộng trung bình 4m; Kết cấu tính từ trên xuống bao gồm: Lớp mặt đường bằng bê tông nhựa chặt C16, dày 5cm; tưới nhựa thấm bám tiêu chuẩn nhựa 1kg/m²; bù vênh lớp cấp phối đá dăm loại I (D_{max}=25mm) dày trung bình 15cm; lớp mặt đường bê tông hiện trạng giữ nguyên.

9.3. Đường giao thông trên đỉnh kè: Đầu tư xây dựng tuyến đường giao thông trên kè với chiều dài 2,5Km; điểm đầu tại thôn 4, điểm cuối tại chân cầu Linh Cảm, xã Tứ Mỹ.

9.3.1. Phương án tuyến:

- Bình đồ: bám theo đường cũ hiện có, cải thiện cục bộ một số vị trí trên tuyến đảm bảo phù hợp với tuyến kè thiết kế và điều kiện địa hình, địa vật thực tế, hạn chế tối đa giải phóng mặt bằng và chi phí xây dựng công trình.

- Trắc dọc: trên cơ sở tuyến đường hiện hữu, khống chế cao độ phù hợp với điều kiện địa hình, địa vật thực tế, tận dụng tối đa nền, mặt đường cũ, đảm bảo kết nối giao thông an toàn, thuận tiện.

- Tuyến đường gồm 04 đoạn, cụ thể:

- + Phạm vi tuyến đường đi chung với tuyến kè gồm các phân đoạn lý trình (Km0+100,47 ÷ Km0+815,57 và Km1+593,41 ÷ Km2+500) với bề rộng B_{nền}=6,5m; gồm: bề rộng mặt đường 2,75mx2=5,5m; lề trái bố trí lề đất; mương thoát nước dọc trái tuyến B=0,6m và với tổng bề rộng B_{lềtrái}=1,0m.

- + Phạm vi tuyến đường không đi chung với tuyến kè gồm các phân đoạn từ lý trình (Km0+00÷Km0+100,47 và Km0+815,57÷Km1+593,41) với bề rộng B_{nền}=7,0m; gồm: bề rộng mặt đường 2,75mx2=5,5m; lề trái bố trí lề đất; mương thoát nước dọc trái tuyến B=0,6m và với tổng bề rộng B_{lềtrái}=1,0m; lề không gia cố (lề đất phải tuyến) B_{lềphải}=0,5m.

9.3.2. Nền đường: đắp đất đồi đầm chặt đạt độ chặt $K \geq 0,98$ (CBR ≥ 6) dày 30cm trên lớp đất $K \geq 0,95$ (CBR ≥ 4), trước khi đắp đào bóc lớp hữu cơ, đánh cấp với các vị trí có độ dốc ngang đường tự nhiên $\geq 20\%$. Đối với một số vị trí có điều kiện địa hình đặc biệt, độ dốc mái ta luy được xem xét điều chỉnh phù hợp với địa hình thực tế.

9.3.3. Kết cấu mặt đường gồm các lớp tính từ trên xuống: Bê tông nhựa chặt C16, dày 7cm; tưới nhựa thấm bám tiêu chuẩn nhựa 1kg/m²; lớp cấp phối đá dăm loại I dày 15cm; lớp cấp phối đá dăm loại II dày 25,0cm.

9.3.4. Hệ thống thoát nước của đường:

- Thoát nước dọc: bố trí rãnh thoát nước dọc bên trái tuyến (phía khu dân cư), kích thước rãnh B=0,6m có bố trí nắp đáy; kết cấu bằng bê tông cốt thép mác 250.

- Thoát nước ngang: Bố trí 18 cống thoát nước ngang đường; tải trọng thiết kế H30-XB80.

9.3.5. Vuốt nổi đường ngang: thiết kế vuốt nổi vào tuyến chính đảm bảo hài hòa, êm thuận.

9.3.6. Hệ thống an toàn giao thông: bố trí đầy đủ hệ thống an toàn giao thông theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT.

10. Số bước thiết kế, danh mục Quy chuẩn, tiêu chuẩn được lựa chọn:

10.1. Số bước thiết kế: 02 bước.

10.2. Danh mục Quy chuẩn, Tiêu chuẩn được lựa chọn:

a) Quy chuẩn kỹ thuật: QCVN 04-05:2022/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về công trình thủy lợi, phòng, chống thiên tai; QCVN 07:2023/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật; QCVN 41:2024/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ; QCVN 18:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về An toàn trong thi công xây dựng;

b) Tiêu chuẩn áp dụng:

- Tiêu chuẩn khảo sát địa hình: TCVN 14595-1:2025 Công trình đề điều - Phần 1: Thành phần, khối lượng khảo sát địa hình; TCVN 8478:2018 Công trình thủy lợi - Yêu cầu về thành phần khối lượng khảo sát địa hình trong các giai đoạn lập dự án thiết kế; TCVN 8225:2009 Công trình thủy lợi - các quy định chủ yếu về lưới khống chế mặt bằng và cao độ địa hình; TCVN 8226:2009 Công trình thủy lợi - các quy định chủ yếu về khảo sát mặt cắt và bình đồ địa hình các tỷ lệ từ 1/200 đến 1/5.000.

- Tiêu chuẩn khảo sát địa chất: TCVN 14595-2:2025 Công trình đề điều - Phần 2: Thành phần, khối lượng khảo sát địa chất; TCVN 8477:2018 Công trình thủy lợi - Yêu cầu về thành phần khối lượng khảo sát địa chất trong các giai đoạn lập dự án và thiết kế; TCVN 9153:2012 Công trình thủy lợi - Phương pháp chỉnh lý kết quả thí nghiệm mẫu đất; TCVN 9351:2012 Đất xây dựng - phương pháp thí nghiệm hiện trường - Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn.

- Tiêu chuẩn thiết kế: TCVN 12845:2020 công trình thủy lợi - thành phần, nội dung lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo nghiên cứu khả thi và Báo cáo kinh tế - kỹ thuật; TCVN 8419-2022: Công trình bảo vệ đê - bờ sông; TCVN 9902:2025 Công trình thủy lợi - Yêu cầu thiết kế đê sông; TCVN 8421:2010 Công trình thủy lợi - Tải trọng và lực tác dụng lên công trình do sóng và tàu; TCVN 4116:2023 Công trình thủy lợi - Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép thủy công - Yêu cầu thiết kế; TCVN 9151:2012 Công trình thủy lợi - Nền công trình thủy công; TCVN 9152:2012 Công trình thủy lợi Quy trình thiết kế tường chắn công trình thủy lợi; TCVN 9139: 2012 Công trình thủy lợi - Kết cấu bê tông, bê tông cốt thép vùng ven biển - Yêu cầu kỹ thuật; TCVN 10335:2014 Rọ đá, thảm đá và các sản phẩm mắt lưới lục giác xoắn kép phục vụ xây dựng công trình giao thông đường thủy; TCVN 13615:2022 Tính toán các đặc trưng thủy văn thiết kế; Tiêu chuẩn thiết

kế đường ô tô TCVN 4054:2005; TCCS 38:2022/TCĐBVN Áo đường mềm - Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế; QCVN 07:2023/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật; QCVN 41:2024/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ; TCVN 5574:2018 Kết cấu bê tông và Bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế; và các tiêu chuẩn, quy phạm khác có liên quan khác.

11. Tổng mức đầu tư: **120.000.000.000 đồng** (Một trăm hai mươi tỷ đồng), trong đó:

- Chi phí bồi thường - GPMB (tạm tính):	3.059.409.000 đồng;
- Chi phí xây dựng+thiết bị:	102.102.856.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án:	1.838.936.000 đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	6.513.477.000 đồng;
- Chi phí khác:	2.107.599.000 đồng;
- Chi phí dự phòng:	4.377.723.000 đồng.

12. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2026 - 2027.

13. Nguồn vốn đầu tư: Nguồn vốn ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương trong giai đoạn 2026 - 2030.

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng.

15. Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: UBND xã Tứ Mỹ chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Giao thông và Phát triển đô thị tỉnh thực hiện bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án đảm bảo tiến độ.

Điều 2. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Giao thông và Phát triển đô thị tỉnh (Chủ đầu tư), Sở Nông nghiệp và Môi trường (cơ quan chủ trì thẩm định), Sở Xây dựng (cơ quan phối hợp thẩm định) chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán về tính chính xác của thông tin, số liệu báo cáo; sự tuân thủ quy định của pháp luật đối với nội dung trình, thẩm định và kiến nghị, đề xuất tại các Văn bản nêu trên và quá trình triển khai thực hiện dự án.

Điều 3. Tổ chức thực hiện:

1. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Giao thông và Phát triển đô thị tỉnh có trách nhiệm: xây dựng đường găng tiến độ chi tiết để quản lý, tổ chức thực hiện Dự án đảm bảo hoàn thành đúng tiến độ được giao và các yêu cầu của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Báo cáo thẩm định số 6178/SNNMT-QLXD ngày 31/7/2026, Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 4536/SXD-HĐXD₈ ngày 27/7/2026; tổ chức quản lý chi phí đầu tư xây dựng, giá gói thầu và hợp đồng xây dựng theo đúng quy định pháp luật, tuyệt đối không để xảy ra tiêu cực, thất thoát, lãng phí ngân sách Nhà nước; chủ động phối hợp với UBND xã Tứ Mỹ và các đơn vị liên quan trong quá trình triển khai thực hiện Dự án.

Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Giao thông và Phát triển đô thị tỉnh chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh,

Chủ tịch UBND tỉnh và các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán về việc tổ chức thực hiện các nội dung nêu trên.

2. UBND xã Tứ Mỹ: Phối hợp Chủ đầu tư thực hiện công tác giải phóng mặt bằng dự án đáp ứng yêu cầu tiến độ của Dự án; chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh nếu triển khai chậm trễ, ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện Dự án.

3. Các Sở: Tài chính; Xây dựng; Nông nghiệp và Môi trường theo chức năng, nhiệm vụ được giao, thường xuyên kiểm tra, giám sát, hướng dẫn Chủ đầu tư trong quá trình thực hiện Dự án; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc theo thẩm quyền, bảo đảm Dự án được triển khai đúng quy định pháp luật và hoàn thành đúng tiến độ yêu cầu.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính; Xây dựng; Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Giao thông và Phát triển đô thị tỉnh (Chủ đầu tư); Chủ tịch UBND xã Tứ Mỹ và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm TT&XT, HTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, NL.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hồ Huy Thành